**Các yếu tố ảnh hưởng đến vốn xã hội của đồng bào dân tộc thiểu số ở miền Tây Nghệ An**

Lê Thị Hiếu

1. Đặt vấn đề

Với 6 dân tộc cùng chung sống: Kinh, Thái, Thổ, Mông, Ơ Đu, Khơ Mú còn gìn giữ được nhiều nét văn hóa truyền thống đặc sắc, miền Tây Nghệ An được xác định là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, an ninh và đối ngoại của tỉnh Nghệ An, và khu vực Bắc Trung bộ.

Trong quá trình phát triển đồng bào dân tộc thiểu số miền Tây Nghệ An đã xây dựng được vốn xã hội nhất định, từ trong mối quan hệ cá nhân, cộng đồng và trong quá trình sản xuất…. Vốn xã hội được xây dựng trên cơ sở năng lực cá nhân; niềm tin vào người khác, vào các thiết chế xã hội và các dịch vụ công cũng như quan niệm về các giá trị chung trong xã hội. Vốn xã hội được hình thành trong quá trình phát triển và tuỳ thuộc vào tính đặc trưng riêng của từng cộng đồng dân tộc. Vậy nên mỗi cộng đồng dân tộc sẽ chịu sự chi phối bởi các yếu tố văn hoá, xã hội và tùy vào mức độ khác nhau để vốn xã hội có mức độ phát triển riêng.

2. Các yếu tố ảnh hưởng đến vốn xã hội trong quá trình phát triển

2.1. Tác động từ điều kiện tự nhiên

Các huyện miền núi phía Tây Nghệ An có tổng diện tích tự nhiên gần 1,4 triệu ha (chiếm 83,4 % diện tích tự nhiên toàn tỉnh), có vị trí địa lý rất quan trọng và thuận lợi trong giao lưu phát triển kinh tế. Hệ thống giao thông tại các huyện miền núi tỉnh Nghệ An khá thuận lợi cho sự giao lưu phát triển kinh tế của 10 huyện miền núi qua hệ thống đường bộ, đường sông, như: Quốc lộ 7, Quốc lộ 48,...

Nhìn chung, các huyện miền núi Nghệ An có địa hình đa dạng, từ dạng địa hình đồi núi cao đến các vùng đồng bằng ven các sông suối. Đây là một trong các lợi thế của vùng tạo ra sự đa dạng trong sử dụng đất đai. Đặc biệt, vùng gò đồi và núi thấp có diện tích lớn và tập trung rất thuận lợi để phát triển hàng hóa có giá trị kinh tế cao.

Vị trí địa lý, địa hình tác động không nhỏ đến quá trình hình thành và phát triển vốn xã hội. Ngoài kỹ năng sinh tồn vốn có, các cộng đồng tộc người chịu sự chi phối từ địa hình, tự nhiên. Những thích ứng của đồng bào dân tộc trong điều kiện tự nhiên giúp họ có thêm kỹ năng sinh tồn, kỹ năng khai thác tài nguyên thiên nhiên và truyền tải cho nhau kinh nghiệm trong sản xuất. Những người có kinh nghiệm thích ứng với thiên nhiên thường là những người lớn tuổi và phụ nữ, họ là những người truyền tải kinh nghiệm đi rừng, kinh nghiệm sản xuất, kinh nghiệm thích ứng với khí hậu... cho thành viên trong gia đình, cộng đồng. Trong quá trình sản xuất, những người có nhiều kinh nghiệm sản xuất giúp họ khai thác tài nguyên thiên nhiên, tạo ra của cải vật chất cho gia đình và cộng đồng. Với đặc thù tự nhiên, địa hình vốn có bằng sự thích ứng của từng cá nhân trong cộng đồng giúp họ tạo lập nên vốn xã hội.

2.2. Tác động thể chế, chính sách

2.2.1. Tác động của thể chế: Sự tác động quy định trong thôn bản, chính sách phát triển của nhà nước cũng như các nguyên tắc, quy định của các nhóm, các tổ chức được các thành viên lập ra và thực hiện. Các tổ chức cộng đồng tạo cầu nối gắn kết các mối quan hệ, tương trợ lẫn nhau trong sản xuất thúc đẩy sự phát triển kinh tế. Các tổ chức như đoàn Thanh niên, hội Phụ nữ, hội Nông dân là nơi mỗi cá nhân có thể gửi niềm tin hy vọng, hỗ trợ nguồn vốn, kinh nghiệm sản xuất để thúc đẩy kinh tế phát triển.

Tại các huyện miền Tây Nghệ An, đồng bào dân tộc thiểu số khi sinh hoạt trong các tổ chức hội đều có cơ hội tạo lập vốn xã hội riêng. Hội Phụ nữ cung cấp việc đào tạo kỹ thuật để nâng cao các kỹ năng kinh doanh, giáo dục xóa mù chữ, hỗ trợ trong việc cung cấp tín dụng cho các hộ gia đình từ các ngân hàng; hỗ trợ vấn đề về kế hoạch hóa gia đình và cảnh báo AIDS/HIV, quyền và nghĩa vụ cho trẻ em và phụ nữ và giúp các thành viên thành lập các nhóm tiết kiệm, tín dụng vay vốn nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển.

Hội nông dân xã, huyện, tỉnh là tổ chức góp phần giúp đồng bào nâng cao hiệu quả và thu nhập trong nông nghiệp thông qua việc khuyến khích sử dụng các kỹ thuật nông nghiệp hiện đại và công nghiệp hóa nông nghiệp. Hỗ trợ các thành viên trong việc tiếp cận tín dụng thông qua các ngân hàng của nhà nước, và bảo lãnh các khoản vay cho nông dân để tạo điều kiện cho nông dân vay vốn. Hội Nông dân cũng tham gia vào các chương trình việc làm, khuyến nông và đào tạo nghề. Hội Phụ nữ và Hội Nông dân đóng vai trò trong việc xây dựng mạng lưới xã hội đủ điều kiện và sự tin tưởng để người dân tộc mở rộng vốn xã hội.

Trong số 439 người được hỏi có 84,1% khẳng định tổ chức hỗ trợ tốt nhất cho phát triển kinh tế của gia đình đồng bào là các tổ chức chính trị tại địa phương (hội phụ nữ, hội nông dân...).

Bảng 1: Tổ chức hỗ trợ cho phát triển kinh tế của gia đình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các tổ chức hỗ trợ** | **Ý kiến trả lời** | **Tỷ lệ %** |
| *Các tổ chức chính trị tại địa phương (hội phụ nữ, hội nông dân...)* | 371 | 84.5 |
| *Các trung tâm tư vấn, hỗ trợ việc làm* | 35 | 8.0 |
|  *Các tổ chức không phải của chínhq uyền địa phương* | 5 | 1.1 |
|  *Các tổ chức biết qua mạng internet hay qua mạng xã hội* | 11 | 2.5 |
| *Các tổ chức tôn giáo* | 17 | 3.9 |
| **Tổng** | 439 | 100% |

Nguồn BCN Đề tài khảo sát tháng 10/2021

Từ số liệu trên chúng ta nhận thấy, tổ chức chính trị xã hội tại địa phương là tổ chức hỗ trợ nhiều nhất cho địa phương trong phát triển kinh tế, gia đình. Điều này thể hiện sự quan tâm của địa phương trong việc nâng cao đời sống của đồng bào dân tộc. Chính quyền địa phương là nơi tin cậy hỗ trợ giúp người dân thoát nghèo tốt nhất trong quá trình phát triển kinh tế cho đồng bào dân tộc tại các huyện miền Tây Nghệ An.

2.2.2. Tác động của chính sách

Từ năm 2004 đến nay, Nghệ An đang thực hiện 75 chủ trương, chính sách miền núi, dân tộc của Trung ương. Từ năm 2013 đến tháng 10/2020, có 64 chương trình, dự án và phi dự án từ các tổ chức phi chính phủ nước ngoài được triển khai với tổng nguồn vốn là 208.790,69 triệu đồng. Thu hút được 231 dự án với 40.554 tỷ đồng vốn đăng ký; một số dự án sản xuất quan trọng đã đi vào hoạt động.

Các dự án đầu tư đã tạo điều kiện cho bà con dân tộc có thêm vốn xã hội cải thiện thu nhập, nâng cao đời sống, nhận thức về quản lý, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên rừng...

Chính sách thu hút các nhà đầu tư về đầu tư tại các huyện miền Tây Nghệ An đã xuất hiện nhà máy, xí nghiệp tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc được vào làm việc tại các đơn vị nhà máy, xí nghiệp; Từ đó tích lũy thêm vốn xã hội để nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc theo phong cách công nghiệp.

Thực tiễn cho thấy từ tác động chính sách của tỉnh đồng bào dân tộc miền Tây có điều kiện để tiếp cận các nguồn vốn vay của địa phương với lãi suất ưu đãi nhiều hơn. Người dân được tuyên truyền, định hướng tiếp cận thông tin về nguồn vốn vay tại địa phương dễ dàng hơn. Qua khảo sát có 439 người được hỏi tiếp cận nguồn vốn và các chính sách hỗ trợ về vốn có 42,8% số người tiếp cận bình thường và có 35,8% số người tiếp cận vốn dễ dàng thuận lợi. Chỉ có 17,5% số người khó tiếp cận. Đối tượng khó tiếp cận chủ yếu là không có đủ giấy tờ và tính pháp lý khi vay vốn.

Bảng 2: Thông tin về vay vốn và các chính sách hỗ trợ về vốn

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mức độ tiếp cận nguồn vốn và các chính sách hỗ trợ về vốn | Số ý kiến | Tỷ lệ % |
| Khó tiếp cận | 77 | 17.5 |
| Bình thường | 188 | 42.8 |
| Dễ tiếp cận | 162 | 36.9 |
| Không biết | 12 | 2.7 |
| Tổng | 439 | 100.0 |

Nguồn BCN Đề tài khảo sát tháng 10/2021

Những thay đổi về chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho đồng bào dân tộc được tiếp cận thuận lợi hơn từ các nguồn vay ngân hàng, quỹ tín dụng. Đa số đồng bào dân tộc được hỗ trợ chủ yếu từ các quỹ tín dụng (28%) của các tổ chức hội đoàn thể, tổ tiết kiệm vốn vay thôn bản, cho vay xoá đói giảm nghèo của hội nông dân, ngân hàng chính sách (16,4%), từ anh em họ hàng 15,7%...

Bảng 3: Các nguồn vay vốn làm ăn kinh doanh

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nguồn vốn vay** | **Số ý kiến** | **Tỷ lệ %** |
| Từ các ngân hàng, các quỹ tín dụng | 187 | 28.0% |
| Các tổ chức tín dụng vi mô (của các hội, đoàn thể, tổ tiết kiệm vốn vay thôn bản, cho vay xóa đói giảm nghèo) | 110 | 16.4% |
| Từ các anh em, họ hàng | 105 | 15.7% |
| Từ hàng xóm, người trong thôn, bản | 53 | 7.9% |
| Từ các phường hụi | 8 | 1.2% |
| Người cùng hội ở địa phương (Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, hội nông dân, hội đồng niên….) | 73 | 10.9% |
| Từ các tổ chức cho vay tiền trên mạng Internet | 1 | .1% |
| Người cùng hội, phường buôn bán | 13 | 1.9% |
| Không vay vốn | 119 | 17.8% |
| **Tổng** | 669 | 100.0% |

Nguồn BCN Đề tài khảo sát tháng 10/2021

Như vậy, nguồn vốn đồng bào dân tộc vay chủ yếu được tiếp cận từ những nguồn đáng tin cậy điều này thể hiện được mối quan hệ trong mạng lưới xã hội chủ yếu gia đình và nhà nước, trực tiếp là các tổ chức, hội có uy tín. Mạng lưới này hạn chế được những rủi ro về tín dụng đen khi tạo nguồn vốn trong sản xuất.

2.3. Tác động từ kinh tế

Trong những năm gần đây đồng bào dân tộc thiểu số ở Nghệ An có điều kiện phát triển kinh tế. Theo đó, nguồn lực vốn xã hội có cơ hội thay đổi. Nếu như trước đây đồng bào dân tộc chủ yếu gắn bó với nền kinh tế tự cung, tự cấp, vốn xã hội chỉ nằm gọn trong không gian thôn bản. Kiến thức sản xuất chủ yếu được truyền đạt từ cha ông mình, từ các thành viên trong gia đình và sản phẩm làm ra chỉ đơn thuần đủ nuôi sống gia đình.

Khi hệ thống giao thông thuận lợi, đặc biệt là từ 2010 đến nay, việc trao đổi giao lưu buôn bán được mở rộng giữa đồng bào dân tộc với các địa phương trong ngoài tỉnh, thậm chí mở rộng sang Lào. Vốn xã hội của đồng bào dân tộc có sự thay đổi, họ có thêm thị trường tiêu thụ sản phẩm do mình làm ra, có thêm các kỹ năng về giao thương buôn bán, đối tác trong làm ăn…

Quá trình thương mại hoá sản phẩm cung cấp cho đồng bào dân tộc có thêm kiến thức để xây dựng thương hiệu sản phẩm bản địa, trở thành đặc trưng riêng của dân tộc mình. Hiện nay có nhiều sản phẩm bản địa mang tính đặc trưng thu hút được khách hàng như: Cà ngọt, xoài của người Thái Tương Dương; Trà Hoa Vàng ở huyện Quế Phong; gà đen, khoai sọ, dưa chuột,… của người Mông….

Những năm qua hiện tượng di cư sang Lào của người Mông tại địa bàn biên giới tạo thuận lợi cho đồng bào Mông mở rộng mạng lưới xuyên biên giới, giao lưu trao đổi hàng hoá, kết nối các sản phẩm đến với thị trường của nước bạn Lào. Từ hoạt động đó giúp đồng bào dân tộc có thêm kỹ năng kinh doanh, khâu nối sản phẩm bản địa ra thị trường. Đây là cơ sở quan trọng hình thành nên vốn xã hội trong hoạt động thương mại và phát triển kinh tế.

Quá trình thương mại hoá giúp cho đồng bào dân tộc chuyển dòng tiền phù hợp. Trước đây, hầu hết các sản phẩm làm ra đều được quy đổi thành tài sản của gia đình, khi quan hệ giao thương mở rộng các sản phẩm được chuyển đổi bằng tiền mặt nhờ đó họ có thể mua các sản phẩm của người Kinh để phục vụ cho nhu cầu hàng ngày. Chính sự thay đổi này giúp họ có thêm phương tiện, thông tin tiếp cận khác để nâng cao năng lực vốn xã hội.

Từ các mối quan hệ giao thương trong xã hội đa số đồng bào dân tộc, những người thành công đều được giới thiệu đối tác làm ăn. Trong tổng số 229 số ý kiến trả lời có 99,6% số người được giới thiệu đối tác làm ăn

Bảng 4: Giới thiệu về các đối tác làm ăn

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Tổng số người trả lời** | **Tỷ lệ %** |
| Được giới thiệu về đối tác làm ăn  | 228 | 99.6 |
| Không được giới thiệu  | 1 | .4 |
| Tổng số  | 229 | 100.0 |

Nguồn BCN Đề tài khảo sát tháng 10/2021

Như vậy, trong quá trình phát triển kinh tế, các mối quan hệ xã hội đã thiết lập nên các đối tác làm ăn. Từ các đối tác làm ăn tạo cơ sở để đồng bào tiếp cận thị trường dễ dàng hơn, tiêu thụ sản phẩm và tăng thu nhập cho gia đình và giảm tải áp lực trong tiêu thụ sản phẩm.

Sự hỗ trợ về công nghệ thông tin trên các trang mạng xã hội đã đẩy nhanh mức độ tiêu thụ sản phẩm cho đồng bào dân tộc, đây cũng là cơ sở thúc đẩy kích cầu sản xuất một cách hiệu quả nhất. Qua khảo sát cho thấy mạng xã hội đóng một vai trò quan trọng trong tiêu thụ sản phẩm cho người dân.

Tại miền Tây Nghệ An trong những năm gần đây kinh tế du lịch phát triển, điều đó tạo cơ hội nâng cao vốn xã hội trong từng cá nhân và cộng đồng dân tộc như người Thái Con Cuông, Quế Phong làm du lịch cộng đồng, homstay. Quá trình làm du lịch giúp họ tích luỹ thêm nhiều kiến thức chuyên môn về kinh tế du lịch, mở rộng thêm các mối quan hệ xã hội, thu hút khách hàng đến với điểm đến du lịch cộng đồng, từ đó tăng thu nhập cho gia đình. Chính vì vậy cải thiện nguồn lực vốn xã hội trong cộng đồng các điểm đến du lịch sẽ mang đến sự phát triển du lịch cộng đồng, tăng phúc lợi xã hội, phát triển bền vững cộng đồng cho đồng bào dân tộc hiện nay.

Các hoạt động tập thể, sự trao đổi, hợp tác trong cộng đồng là các hoạt động chung trong các mối quan hệ ngang và dọc (với các bên tham gia như chính quyền địa phương, cộng đồng lân cận, quản lý du lịch, doanh nghiệp du lịch…). Từ hoạt động kinh tế du lịch đồng bào dân tộc có mạng lưới chính thức như kết nối được với các tổ chức hiệp hội du lịch, hiệp hội lữ hành, hiệp hội hướng dẫn viên, mạng lưới du lịch cộng đồng, câu lạc bộ… và mạng lưới không chính thức như họ hàng thân thích, bạn bè, người quen, đại lý du lịch… Vốn xã hội, cụ thể là về sự tin tưởng, các hoạt động chung trong cộng đồng cũng như phát triển qua mạng lưới xã hội có thể giúp tăng trưởng kinh tế thông qua sáng tạo mới.

Những năm gần đây du lịch cộng đồng đóng vai trò của nó trong việc giải quyết những vấn đề đang đặt ra trong quá trình phát triển và phân phối sản phẩm, cơ chế, chia sẻ lợi ích nhất là sự vào cuộc của các bên tham gia trong phát triển du lịch cộng đồng.

Quá trình hội nhập phát triển kinh tế với những tác động từ sự thay đổi về du lịch, giao lưu thương mại đã giúp đồng bào dân tộc thiểu số miền Tây Nghệ An có điều kiện tiếp cận thông tin, nguồn vốn, tiêu thụ các sản phẩm được thuận lợi và dễ dàng hơn.

Người Thổ miền Tây Nghệ An xây dựng vốn xã hội trong quá trình thương mại hoá các sản phẩm bản địa. Các bài thuốc dân gian của người Thổ vô cùng phong phú chữa bệnh hiệu quả nên được nhiều người biết đến, từ đó họ có khả năng mở rộng kết nối với các dân tộc khác trong và ngoài tỉnh, thậm chí sang nước bạn Lào. Theo mạng lưới này người Thổ ngoài bán các loại thuốc dân gian còn có cơ hội mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm bản địa điển hình như sản phẩm nông nghiệp khác.

Như vậy, giá trị từ kinh tế bản địa là điều kiện thuận lợi để giúp đồng bào dân tộc có cơ hội mở rộng giao lưu tiếp xúc đến với cộng đồng khác trong xã hội, ngoài nguồn thu từ khách hàng địa phương họ có thêm cơ hội để mở rộng nguồn thu đến các khách hàng khác.

Đa phần các hoạt động kinh tế đòi hỏi những người tham gia dựa vào hành động của đối tác trong tương lai. Vì vậy, việc các cá nhân giao dịch trong môi trường có lòng tin cao sẽ có chi phí thấp hơn do ít tốn kém trong việc bảo vệ bản thân khỏi bị lợi dụng cũng như thực thi các giao dịch.

Tương tự, doanh nghiệp sẽ đỡ tốn công sức trong việc giám sát nhau, thay vào đó, các nguồn lực này sẽ dành cho những phát minh, đổi mới kỹ thuật. Tóm lại, xã hội có lòng tin cao sẽ tạo sự minh bạch, thúc đẩy hợp tác, giảm chi phí giao dịch, tăng hiệu quả trong sản xuất và phân phối. Về phương diện này, vốn xã hội có thể góp phần mở rộng hoạt động kinh tế, mang lại sự thịnh vượng cho cộng đồng dân cư.

2.4. Tác động từ văn hoá

Quá trình mở rộng giao lưu tiếp xúc giữa các cộng đồng đã tạo nên sự thay đổi trong văn hoá. Sự thay đổi đó tạo vốn xã hội cho cá nhân như: kinh nghiệm, tri thức, các mối quan hệ cũng như cách thức giải quyết công việc... Điều này được chính cá nhân trong cộng đồng trao truyền, thừa kế từ người khác.

Trong quá trình giao lưu tiếp xúc văn hóa vốn văn hóa cá nhân tạo nên những giá trị lợi ích cho bản thân và gia đình họ. Vốn văn hóa cá nhân là nhân tố quyết định để lựa chọn con đường phát triển kinh tế thị trường thông qua sở trường và tiềm lực của chính mình. Cụ thể mỗi cá nhân trong cộng đồng dân tộc có thể giao lưu tiếp xúc văn hoá với nhau qua sinh hoạt hội nhóm, ví dụ như nhóm văn nghệ, nhóm sinh hoạt cộng đồng.

Ở góc độ tiếp cận vốn xã hội từ hiện tượng di cư của người Mông chúng ta thấy rằng vốn xã hội được hình thành trên cơ sở của quá trình giao lưu tiếp biến của văn hoá. Quá trình giao lưu văn hoá cộng đồng tạo sự gắn kết giữa các thành viên trong cộng đồng. Đây là cầu nối quan trọng giúp đồng bào dân tộc tích lũy thêm vốn xã hội. Cụ thể đầu tư cho các quan hệ xã hội (một dạng vốn xã hội) có thể giúp các chủ thể hành động nhận được những lợi ích về kinh tế, tri thức uy tín, và ngược lại. Thực tế đã chứng minh là có nhiều nguồn có thể tạo thành vốn xã hội. Nhiều nhóm xã hội thành lập tổ chức phường hội cấp vốn cho các thành viên bằng việc hỗ trợ nguồn vốn chung, hoặc bằng một sự ủy thác mà nhờ đó các thành viên của nó tin tưởng lẫn nhau (Bourdieu, 1983).

Tại các huyện có đồng bào dân tộc Thổ sinh sống, qua các cuộc sinh hoạt về câu lạc bộ dân ca, dân vũ, đồng bào dân tộc có thêm cơ hội để giao lưu tiếp xúc, trao đổi kiến thức trong làm ăn, chia sẻ kinh nghiệm buôn bán, giới thiệu khách hàng cho nhau. Nhiều phụ nữ đã thành lập các tổ nhóm sản xuất, tổ nhóm bán hàng online, tổ kết nối thương lái bán cam, cây thuốc nam đến với các thị trường trong tỉnh và ngoài tỉnh.

 2.5. Tác động an ninh xã hội và quá trình di cư

Hiện tượng di dân hàng loạt sang Lào trong những năm gần đây ảnh hưởng đến quá trình sinh sống của người dân tộc, đặc biệt là người dân Lào. Đặc điểm tập quán lâu đời của đồng bào Mông sống di canh, di cư, cuộc sống chủ yếu nhờ phát nương làm rẫy và khai thác lâm thổ sản mang tính tự cung, tự cấp, làm cho diện tích sản xuất ngày càng thu hẹp, đất đai ngày càng cạn kiệt do nạn phá rừng làm nương rẫy. Trong khi đó, trên đất Lào diện tích rộng, đất đai màu mỡ, dân cư thưa thớt, nên người Mông muốn sang Lào để sinh sống như tập quán quen thuộc lâu đời của họ.

 Các mâu thuẫn nảy sinh trong nội bộ dân tộc Mông, như tranh chấp đất đai, mâu thuẫn dòng họ, dòng tộc, mâu thuẫn trong nội bộ cán bộ... thường dẫn đến việc di cư. Một số đối tượng vi phạm pháp luật bị truy cứu trách nhiệm hình sự bỏ trốn sang Lào (đưa cả gia đình đi theo). Bên cạnh đó, tình trạng lấy vợ, lấy chồng không hôn thú giữa người Mông 2 bên biên giới vẫn xảy ra. Đây cũng là một nguyên nhân dẫn đến tình trạng di cư.

Vai trò quản lý nhà nước của các cấp chính quyền địa phương và các lực lượng chức năng, trong quản lý giáo dục, giác ngộ nhân dân chưa thực sự có hiệu quả; công tác phối hợp giải quyết vấn đề di cư giữa ta và bạn Lào chưa kiên quyết, các chế tài áp dụng cho xử lý di cư trái phép chưa được quy định. Những người di cư trước không bị xử lý trao trả, thì những người đang có ý định di cư tiếp tục đi theo.

Các giải pháp nhằm ổn định đời sống kinh tế - xã hội cho đồng bào các dân tộc (chủ yếu người Mông), nhất là trong việc vận động xoá bỏ cây thuốc phiện, chuyển đổi cây trồng vật nuôi, tuy có tiến bộ và đạt được những kết quả bước đầu, song việc thực hiện ở một số địa bàn chưa phù hợp và thiếu đồng bộ, hàng hoá sản xuất ra không có nơi tiêu thụ. Văn hoá - xã hội, nhất là việc phát huy truyền thống và bản sắc dân tộc chưa quan tâm đúng mức. Đây cũng chính là nguyên nhân dẫn đến tình trạng di cư để tìm đất trồng cây thuốc phiện, loại cây truyền thống của người Mông, tìm đến nơi có bản sắc văn hoá dân tộc phù hợp, nơi có cộng đồng sắc tộc của mình.

Ngoài ra luận điệu tuyên truyền phát triển đạo Tin lành của địch cũng có những tác động trực tiếp, khiến người Mông di cư sang Lào để theo đạo Tin lành. Đặc biệt trên đất Lào, tình hình đạo Tin lành từ năm 2000 đến nay đã phát triển mạnh và khá phức tạp, đang có chiều hướng gia tăng. Vì đạo Tin lành ở Lào càng phát triển, sẽ có tác động trực tiếp đến vùng biên giới của nước ta, không chỉ là trước mắt, mà kể cả lâu dài.

Từ những tác động đó, khi họ sang đây buộc họ phải thiết lập một mạng lưới mới có quan hệ với người Lào và những thành phần khác, từ đó hình thành nên một mạng lưới xã hội đảm bảo sự sinh tồn khi họ sang cư trú sinh sống ở đây. Tại đây, họ thành lập các hội nhóm hỗ trợ tiền bạc, kinh nghiệm, kỹ thuật sản xuất đảm bảo sinh tồn. Mặt khác họ là cầu nối để kết nối các sản phẩm bản địa tiêu thụ sản phẩm cho người dân địa phương nơi họ từng sinh sống trước đây, từ đó việc trao đổi buôn bán trở nên thuận lợi hơn.

Như vậy, vốn xã hội được hình thành từ chính vấn đề di cư xuyên biên giới, đó cũng là một nét đặc thù của người Mông Nghệ An trong quá trình phát triển trong quá trình tạo lập vốn xã hội.

3. Kết luận

Các yếu tố tác động vốn xã hội như kinh tế, văn hoá, thể chế, điều kiện tự nhiên có mối quan hệ liên kết với nhau tạo nên yếu tố cơ bản hình thành và nâng cao chất lượng cho sự phát triển của đồng bào dân tộc. Các yếu tố này xuất hiện trong quá trình trao đổi giao lưu, buôn bán, từ khả năng tiếp cận của từng cá nhân trong cộng đồng.

Các yếu tố tác động là cơ sở hình thành nên vốn xã hội của đồng bào dân tộc miền Tây Nghệ An, có vai trò quan trọng trong phát triển sinh kế. Tuy nhiên, lợi ích do các yếu tố đem lại phụ thuộc mức độ linh hoạt và khả năng tiếp cận nguồn lực một cách phù hợp. Các yếu tố này ngoài việc đảm bảo nhu cầu phát triển phải được chọn lựa cho phù hợp với điều kiện và địa bàn sinh sống của đồng bào dân tộc trong quá trình hội nhập và phát triển. Cần xem các yếu tố như một công cụ quan trọng để phát triển vốn xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Bích. 2006. “Vốn xã hội: Gây vốn từ đâu?”, DNSG Cuối tuần, 07-4-2006, tr. 4.

2. A. Degenne. 2003. Mise en oeuvre empirique de la notion de capital social: définitions et exemple. Rouen: Université de Rouen.

3. Nguyễn Văn Chính (2020): Nguồn lực văn hoá và phát triển cộng đồng: một tiếp cận nhân học. Tham luận tại Hội thảo khoa học Quốc tế Nhân học và Phát triển ở Việt Nam đương đại. Khoa Nhân học, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQGHN, ngày 16/12/2020.

4. Trần Hữu Dũng. 2003. “Vốn xã hội và kinh tế”, Tạp chí Thời Đại, số 8: 82-102;

5. Nguyễn Đình Lộc (1993, tái bản 2009), Các dân tộc thiểu số ở Nghệ An. Nxb Nghệ An.

6. Quán Vi Miên (2013), Văn hóa dân gian dân tộc Thổ. Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

7. Nguyễn Thị Thanh Nga (2004), Một số nghề thủ công truyền thống của người Thổ. Tạp chí Dân tộc học, số 3, trang 26-30.

8. S.Ponthieux. 2004. Le concept de social capital, analyse critique, Paris: INSEE.